TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2021/DS-ST
Ngày: 20/10/2021
"V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Thanh

Ông Nguyễn Phú Hữu

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Lệ Huyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Vào ngày 20/10/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2021/TLST-DS ngày 10/3/2021 về việc "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 217/2021/QĐXXST-DS ngày 04/8/2021, các Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 102/TB-TA ngày 16/8/2021, số 301/TB-TA ngày 25/8/2021, số 265/TB-TA ngày 06/9/2011 và Quyết định hoãn phiên tòa số 159/2021/QĐST-DS ngày 24 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng A;

Địa chỉ: Số A, đường B, phường C, Quận D, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T - Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng A.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm TH - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Đồng Tháp - Ngân hàng A.

(Theo Quyết định ủy quyền số 2181/2021/QĐ-TGĐ ngày 23/9/2021)

Người đại diện theo ủy quyền của ông TH: Bà Võ Thị T X – chức vụ:

Chuyên viên Phòng KHCN chi nhánh Đồng Tháp. (Giấy ủy quyền số 230/2021/UQ-HDB ngày 18/10/2021).

Địa chỉ: Số A, phường B, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

- *Bị đơn*: Ông Trần Chí Đ, sinh năm 1992;

Cư trú tại: Số A, tổ B, ấp C, xã T, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

(*Bà T X có mặt tại phiên tòa; ông Trần Chí Đ vắng mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn, Ngân hàng A, đại diện theo ủy quyền, bà Võ Thị T X trình bày:*

Ngân hàng A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) đã cho ông Trần Chí Đ vay tiền theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 06431/18MN/HĐTD ngày 03/4/2018 như sau:

Khế ước nhận nợ số 06431/18MN/HĐTD/KUNN 02 ngày 03/4/2019, ngày giải ngân 03/4/2019, ngày đến hạn 03/4/2020, lãi suất 10,5%, số tiền giải ngân là 600.000.000 đồng.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng nêu trên.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa 1739, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại xã An Hòa, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận số CM 756181, số vào sổ cấp GCN số CS03648 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 22/01/2018 cho ông Trần Chí Đ.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa 1740, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại xã An Hòa, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận số CM 756182, số vào sổ cấp GCN số CS03647 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 22/01/2018 cho ông Trần Chí Đ.

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 05136/18MN/HĐBĐ ngày 03/4/2018, công chứng tại Phòng Công chứng số 01 tỉnh Đồng Tháp, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nợ nhưng ông Trần Chí Đ vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho ngân hàng dẫn đến vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo các hợp đồng tín dụng hạn mức số 06431/18MN/HĐTD ngày 03/4/2018.

Đến ngày 07/9/2020, tổng số tiền ông Trần Chí Đ còn nợ ngân hàng là 641.221.760 đồng (Sáu trăm bốn mươi mốt triệu hai trăm hai mươi mốt nghìn bảy trăm sáu mươi đồng). Trong đó:

Gốc: 599.999.999 đồng.

Lãi trong hạn: 5.843.474 đồng.

Lãi quá hạn: 35.378.286 đồng.

(Lãi vay tạm tính đến ngày 04/8/2020).

Nhận thấy ông Trần Chí Đ đã vi phạm thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây đối với ông Trần Chí Đ:

- Ngân hàng A yêu cầu ông Trần Chí Đ thanh toán một lần toàn bộ gốc và lãi cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng với tổng số tiền là 641.221.760 đồng. Trong đó, tiền gốc là 599.999.999 đồng, lãi trong hạn là 5.843.474 đồng, lãi quá hạn là 35.378.278 đồng (lãi tạm tính đến ngày 04/8/2020);

- Yêu cầu ông Đ phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng từ ngày 05/8/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Trường hợp ông Đ không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, đề nghị Tòa án cho ngân hàng yêu cầu thi hành án phát mãi toàn bộ tài sản bảo đảm thuộc sở hữu của ông Đ gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa 1739, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại xã An Hòa, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận số CM 756181, số vào sổ cấp GCN số CS03648 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 22/01/2018 cho Trần Chí Đ; Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa 1740, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại xã An Hòa, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận số CM 756182, số vào sổ cấp GCN số CS03647 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 22/01/2018 cho Trần Chí Đ, để thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản đảm bảo được dùng để cấn trừ nghĩa vụ trả nợ của ông Đ, nếu số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ của ông Đ thì vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ.

Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu ông Trần Chí Đ trả nợ cho Ngân hàng tiền nợ gốc là 599.999.999 đồng; tiền lãi gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn là 168.353.491 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 768.353.490 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh theo thỏa thuận hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Đối với ông Trần Chí Đ, sau khi Tòa án thụ lý vụ án; để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, nguyên đơn yêu cầu Tòa án thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng (theo quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015). Tòa án đã tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định pháp luật. Nhưng bị đơn ông Trần Chí Đ không đến Tòa án làm việc và không có lời trình bày về nội dụng vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Theo Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp do nguyên đơn cung cấp, ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn, nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ để chấp nhận. Do đó, căn cứ Điều 463, 465, 466 Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Đ trả số tiền 768.353.490 đồng và lãi phát sinh theo thỏa thuận hợp đồng tín dụng cho đến ngày thanh toán dứt nợ. Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 05136/18MN/HĐBĐ ngày 03/4/2018 được ký kết giữa ngân hàng và ông Đ, có đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định pháp luật nên công nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu ông Trần Chí Đ trả số tiền còn thiếu theo Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là *"tranh chấp về hợp đồng dân sự tín dụng"*. Giữa Ngân hàng và ông Đ ký hợp đồng tín dụng tại Chi nhánh của Ngân hàng có địa chỉ tại thành phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Trần Chí Đ đã được Thông báo tìm kiếm trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định, nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu ông Trần Chí Đ trả nợ cho Ngân hàng tiền vốn và lãi.

Theo đơn khởi kiện: Ngân hàng yêu cầu ông Đ trả nợ cho Ngân hàng số tiền là 641.221.760 đồng. Trong đó, tiền gốc là 599.999.999 đồng, lãi trong hạn là 5.843.474 đồng, lãi quá hạn là 35.378.278 đồng (lãi tạm tính đến ngày 04/8/2020). Yêu cầu ông Đ phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng từ ngày 05/8/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu ông Đ trả nợ cho Ngân hàng số tiền tổng cộng 768.353.490 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh theo thỏa thuận hợp

đồng tín dụng cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Hội đồng xét xử căn cứ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 06431/18MN/HĐTD ngày 03/4/2018, Khế ước nhận nợ số 06431/18MN/HĐTD/KUNN 02 ngày 03/4/2019, ngày giải ngân 03/4/2019, ngày đến hạn 03/4/2020, lãi suất 10,5%, số tiền giải ngân là 600.000.000 đồng.

Quá trình vay vốn, ông Đ không thanh toán nợ vốn và lãi cho Ngân hàng theo đúng như thỏa thuận đã ký kết, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở nhưng ông Đ không thực hiện. Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm, ông Đ còn nợ Ngân hàng số tiền vốn gốc là 599.999.999 đồng, tiền lãi trong hạn là 5.843.474 đồng, lãi quá hạn 162.510.017 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 768.353.490 đồng (tính đến ngày 20/10/2021).

Xét Hợp đồng tín dụng hạn mức số 06431/18MN/HĐTD ngày 03/4/2018, số tiền vay là 600.000.000 đồng *(Sáu trăm triệu đồng),* được ký kết giữa ông Trần Chí Đ với Ngân hàng phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 465, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, hợp đồng được ký trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn không trả nợ gốc, không trả đầy đủ tiền lãi cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 9 của Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đ phải trả nợ gốc và lãi là có căn cứ nên chấp nhận.

Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu ông Đ trả lãi cho Ngân hàng bao gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng 06431/18MN/HĐTD ngày 03/4/2018 đến khi khi thanh toán dứt nợ. Xét thấy yêu cầu này là phù hợp với nội dung thỏa thuận trong hợp đồng, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định nên chấp nhận.

[2.2] Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 05136/18MN/HĐBĐ ngày 03/4/2018, công chứng tại Phòng Công chứng số 01 tỉnh Đồng Tháp, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Việc ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, đối với tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa 1739, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại xã An Hòa, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận số CM 756181, số vào sổ cấp GCN số CS03648 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 22/01/2018 cho Trần Chí Đ; Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa 1740, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại xã An Hòa, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận số CM 756182, số vào sổ cấp GCN số CS03647 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 22/01/2018 cho Trần Chí

Đ, là do sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, phù hợp với qui định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và Hợp đồng thế chấp này đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật, nên hợp đồng có hiệu lực.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn đã nộp đầy đủ chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình; Tòa án đã tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo yêu cầu của nguyên đơn đúng theo quy định pháp luật.

Sau khi ký kết các hợp đồng với Ngân hàng, ông Đ không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ của mình, đã vi phạm hợp đồng tín dụng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp quyền sử dụng đất để thu hồi nợ là có căn cứ nên chấp nhận.

Do đó, trong trường hợp ông Đ không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu thi hành án phát mãi toàn bộ tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 05136/18MN/HĐBĐ ngày 03/4/2018 để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

[2.3] Xét đề nghị của VKSND thành phố Cao Lãnh đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông Trần Chí Đ trả số tiền vốn và lãi theo yêu cầu của Ngân hàng. Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được ký giữa ngân hàng và ông Đ là hợp pháp, nên trong trường hợp ông Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp đã ký giữa Ngân hàng và ông Đ. Như Hội đồng xét xử đã phân tích trên, đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Án phí: Do ông Trần Chí Đ phải trả cho Ngân hàng số tiền 768.353.490 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 34.734.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ngân hàng được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 14.825.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001473 ngày 22/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Chi phí thông báo tìm kiếm đối với anh Đại do Ngân hàng chịu (đã nộp và chi xong).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 465, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; Điều 9, 10, 12 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, Nghị định số 11/2012/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

2. Buộc ông Trần Chí Đ có trách nhiệm trả cho Ngân hàng A tiền vốn vay là 599.999.999 đồng, tiền lãi (gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn) là 168.353.491 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 768.353.490 đồng.

Ông Trần Chí Đ có nghĩa vụ tiếp tục chịu lãi theo Hợp đồng tín dụng hạn mức đã ký kết số 06431/18MN/HĐTD ngày 03/4/2018 và Khế ước nhận nợ số 06431/18MN/HĐTD/KUNN 02 ngày 03/4/2019 đến khi khi thanh toán dứt nợ.

3. Trường hợp ông Trần Chí Đ không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A, thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi toàn bộ tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 05136/18MN/HĐBĐ ngày 03/4/2018 đã ký giữa Ngân hàng A và ông Trần Chí Đ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

4. Về án phí: Ông Trần Chí Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 34.734.000 đồng.

Ngân hàng A được nhận tiền tạm ứng án phí là 14.825.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001473 ngày 22/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Ngân hàng A có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Trần Chí Đ có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Chi phí thông báo tìm kiếm đối với anh Đại do Ngân hàng chịu (đã nộp và chi xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7

và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TPCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Đương sự;
- Chi cục THADS TPCL;
- Chi cục THADS huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phương Hồng